

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày 26-7-2017

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Bà **Bùi Thị Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/HPT-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hải V** - sinh năm: 1995;

Trú tại: thôn T M, xã N X, thị xã N H, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Thanh C** - sinh năm: 1988;

Trú tại: thôn T M, xã N X, thị xã N H, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, tại các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hải V trình bày:* Bà (V) kết hôn với ông Phan Thanh C và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa năm 2013. Vợ chồng bà có 02 con chung là Phan Lê Thảo M - sinh ngày: 02/01/2014 và Phan Lê Hà T - sinh năm: 15/8/2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống

gia đình hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì ông C không quan tâm đến cuộc sống vợ con, nguyên nhân vì khi bà mang bầu đứa con thứ hai là con gái và chuyện tiền bạc nên vợ chồng thường cãi nhau, không thể chia sẻ và không quan tâm đến nhau. Ông C thường nhậu nhẹt với bạn bè về nhà gây sự với bà. Đến khoảng giữa năm 2016, ông C đánh bà, gây thương tích nặng bà phải nằm viện. Từ đó đến nay, bà và 02 cháu về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông C không quan tâm gì đến bà và con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông C. Về con chung, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng là ngày 10 hàng tháng, bắt đầu khi có quyết định của Tòa án. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu.

* Bị đơn Phan Thanh C trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Phan Thanh C để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông C và không tiến hành hòa giải được vụ án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Tại phiên tòa, anh Phan Thanh C đã được tòa tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hải V và cho bà Lê Thị Hải V được ly hôn anh Phan Thanh C.

+ Về con chung: bà Lê Thị Hải V và ông Phan Thanh C có 02(hai) con chung Phan Lê Thảo M -sinh ngày 02/01/2014 và Phan Lê Hà T -sinh ngày 15/8/2015 hiện nay các cháu đang ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà Lê Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Hải V yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho hai cháu bắt đầu từ tháng 08/2017 trở đi xét thấy phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Phan Thanh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: bà Lê Thị Hải V không yêu cầu nên không xét. Tại phiên tòa ông Phan Thanh C đã được tòa tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

+ Về án phí: bà Lê Thị Hải V phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phan Thanh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh C đã được tòa tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Phan Thanh C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Thanh C theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn và con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

2.1. Về hôn nhân: bà Lê Thị Hải Vy và ông Phan Thanh C có đăng ký kết hôn vào năm 2013 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/01/2013 ngày 30/8/2013 do Ủy ban nhân dân xã N X cấp. Do vậy, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn và không chung sống với nhau từ giữa năm 2016. Nguyên vọng của bà Lê Thị Hải V xin được ly hôn ông Phan Thanh C. Còn ông Phan Thanh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng ông C vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến trình bày và nguyên vọng của ông C được. Tại phiên tòa hôm nay ông Phan Thanh C đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thị Hải V và ông Phan Thanh C đã không chung sống với nhau từ giữa năm 2016 đến nay cho nên xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hải V là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: bà Lê Thị Hải V và ông Phan Thanh C có 02 con chung Phan Lê Thảo M -sinh ngày 02/01/2014 và Phan Lê Hà T -sinh năm 15/8/2015, bà Lê Thị Hải V xin nhận nuôi 02 con chung và yêu cầu ông Phan Thanh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu M, T còn nhỏ cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và hiện nay bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao các cháu Phan Lê Thảo M -sinh ngày 02/01/2014 và Phan Lê Hà T -sinh ngày 15/8/2015 cho bà Lê Thị Hải V nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Hải V yêu cầu ông Phan Thanh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho hai cháu

bắt đầu từ tháng 08/2017 trở đi. Hội đồng xét xử xét thấy, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của người cha, mẹ nên xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà V là phù hợp nên chấp nhận. Buộc ông Phan Thanh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ(ba triệu đồng) cụ thể mỗi cháu là 1.500.000đ/ tháng thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 08 năm 2017 trở đi. Ông Phan Thanh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: bà Lê Thị Hải V khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Tại phiên tòa ông Phan Thanh C vắng mặt nên cần tách yêu cầu tài sản chung ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2.4. Về án phí: bà Lê Thị Hải V phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Thanh C phải nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hải V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Hải V được ly hôn với ông Phan Thanh C.

1.2 Về con chung: Giao các cháu Phan Lê Thảo M -sinh ngày 02/01/2014 và Phan Lê Hà T -sinh năm 15/8/2015 cho bà Lê Thị Hải V nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc ông Phan Thanh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ(ba triệu đồng) cụ thể mỗi cháu là 1.500.000đ/ tháng thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 08 năm 2017 trở đi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Phan Thanh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung: bà Lê Thị Hải V khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Phan Thanh C vắng mặt nên cần tách yêu cầu tài sản chung ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2/ Về án phí: bà Lê Thị Hải V phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0013015 ngày 16/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N H. Nên bà Lê Thị Hải V đã nộp xong án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Thanh C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3/ Qui định chung: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N H;
- Chi cục THADS thị xã N H;
- Các đương sự;
- UBND phường N X;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Hải